

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/DS-ST

Ngày 12 - 4 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: đường L, khóm N, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Du Thị B, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: đường Đ, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phan Văn N, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Bà Vưu Kim P, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: đường L, khóm N, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/5/2018 âm lịch bà Nguyễn Thị L có cho ông Phan Văn N, bà Vưu Kim P vay số tiền 962.000.000đ, mục đích vay làm ăn, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay 06 tháng, khi vay có làm biên nhận. Sau khi vay, ông N bà P không thực hiện đúng thỏa thuận, không trả lãi, không trả vốn như cam kết, bà L có nhắc nhở nhiều lần nhưng không kết quả.

Nay bà L yêu cầu ông N, bà P hoàn trả số tiền vốn 962.000.000đ, không yêu cầu lãi.

- Đối với ông Phan Văn N, bà Vưu Kim P: Tòa án đã niêm yết hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông N, bà P vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Du Thị B là đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phan Văn N, bà Vưu Kim P là bị đơn đã được niêm yết hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông bà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông Phan Văn N, bà Vưu Kim P thanh toán số tiền còn nợ 962.000.000đ theo biên nhận ngày 18/5/2018 âm lịch. Quá trình giải quyết đại diện nguyên đơn xác định sau khi vay bị đơn không trả lãi, cũng không thanh toán vốn. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ và đến ngày 10/01/2020 âm lịch bị đơn có viết cam kết nếu chưa gửi tiền lãi thì sẽ gửi chủ quyền đất cho nguyên đơn nhưng bị đơn cũng không thực hiện. Đối với bị đơn không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cán bộ Tòa án có đến nhà ông N bà P làm việc thì được biết nhà thường xuyên đóng cửa nên không tiến hành làm việc được với bị đơn. Xét thấy: Căn cứ biên nhận ngày 18/5/2018 âm, giấy cam kết thể hiện ông N có nợ bà L khoản tiền 962.000.000đ, ngoài ra không còn văn bản nào khác thể hiện việc trả nợ của bị đơn, vì vậy có cơ sở xác định nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ với nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ 962.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Xét tại thời điểm vay vốn và đến nay ông N, bà P là vợ, chồng vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, bà P không ý kiến gì đối với việc bà L yêu cầu bà P và ông N cùng trả nợ. Vì vậy cần buộc bà P có trách nhiệm cùng với ông N thanh toán số tiền vay còn nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Ông N, bà P là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí đối với phần án phí dân sự sơ thẩm mà ông bà phải chịu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết bị đơn không đến Tòa án cũng không có đơn đề nghị nộp cho Tòa án kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, nên ông bà phải nộp án phí theo quy định tại Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phan Văn N, bà Vuur Kim P cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền còn nợ là: 962.000.000đ (Chín trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N, bà P không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Phan Văn N, bà Vuur Kim P phải nộp 40.860.000đ (chưa nộp).

+ Bà Nguyễn Thị L không phải nộp án phí. Vào ngày 30/12/2021 bà Nguyễn Thị L đã dự nộp số tiền 29.240.000đ, tại lai thu số 0000747 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lê Thị Thu